

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**Công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017**

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; công bố, công khai, nhập dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia

Trong kỳ báo cáo, căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2010, Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBDT ngày 12/01/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc công bố TTHC “Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020” và thực hiện việc công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia theo quy định.

*(Báo cáo chi tiết tại Biểu mẫu số 01a/BTP/KSTT/KTTH, Biểu mẫu số 02a/BTP/KSTT/KTTH, Biểu mẫu số 03b/BTP/KSTT/KTTH và Biểu mẫu số 04a/BTP/KSTT/KTTH)*

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tiếp nhận 268 hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC, gồm các hồ sơ tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, giải quyết đơn tố cáo, xét khen thưởng, xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”, không có hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua.

Kết quả giải quyết TTHC từ Thanh tra Ủy ban, Vụ Địa phương II, Vụ Địa phương III, Vụ Tổ chức cán bộ: đã giải quyết toàn bộ 268 hồ sơ, không có hồ sơ đang giải quyết hoặc hồ sơ đã quá hạn.

Đối với thủ tục “Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020”, Ủy ban Dân tộc theo chức năng nhiệm vụ được giao đã hướng dẫn địa phương thực hiện và theo dõi, tổng hợp kết quả công tác này. Quá trình thực hiện đảm bảo tính công khai, minh bạch, được thực hiện từ thôn, có sự tham gia bình chọn của hộ dân sở tại; các bước theo quy trình từ cấp xã, huyện, tỉnh, trung ương đúng quy trình quy định. Kết quả tổng hợp đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 582/QĐ-TTg) ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020).

*(Báo cáo chi tiết tại Biểu mẫu số 07e/BTP/KSTT/KTTH)*

### 3. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính

Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC theo đúng quy định, trong kỳ báo cáo Ủy ban Dân tộc chưa nhận được phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC của Ủy ban Dân tộc.

*(Báo cáo chi tiết tại Biểu mẫu số 06b/BTP/KSTT/KTTH)*

### 4. Về rà soát thủ tục hành chính

Thực hiện kế hoạch công tác năm, Ủy ban Dân tộc đã rà soát TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Kết quả rà soát có 04 TTHC trong các văn bản quy phạm pháp luật được đề nghị xử lý. Ủy ban Dân tộc đang thực hiện các quy trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và sớm công bố công khai việc thay thế, hủy bỏ các TTHC có liên quan.

### 5. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Ủy ban Dân tộc có Trang tin thành phần kiểm soát thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đăng tải danh mục TTHC, công khai địa chỉ, số điện thoại xử lý phản ánh kiến nghị của Ủy ban Dân tộc.

Trong năm 2017, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc đã rà soát, chuẩn hóa dữ liệu TTHC của Ủy ban Dân tộc trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo sự thuận tiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu và áp dụng.

Thực hiện niêm yết công khai TTHC, có bảng niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Dân tộc tại trụ sở tiếp dân của cơ quan Ủy ban Dân tộc; trụ sở tiếp dân Vụ Địa phương II, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; trụ sở tiếp dân Vụ Địa phương III, TP Cần Thơ; Văn phòng đại diện TP Hồ Chí Minh.

### 6. Hoạt động nghiệp vụ thường xuyên

#### 6.1. Ban hành văn bản triển khai kế hoạch nội bộ và kết quả thực hiện

Ban hành Quyết định số 754/QĐ-UBDT ngày 30/12/2016 của Ủy ban Dân tộc về Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2017 của Ủy ban Dân tộc, lập kế hoạch nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu.

Ban hành công văn số 1302/UBDT-VP ngày 23/11/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc kiểm tra thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 tại các Vụ, đơn vị và hiện đang tổng hợp kết quả, báo cáo theo quy định.

6.2. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của cấp trên

Thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua

dịch vụ bưu chính công ích, Ủy ban Dân tộc đã công bố danh mục TTHC thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (*Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 31/7/2017*), theo đó Ủy ban Dân tộc công bố 11 TTHC có thực hiện và 01 TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, trong đó có 06 thủ tục hành chính thực hiện tại Ủy ban Dân tộc và 05 thủ tục hành chính thực hiện tại địa phương; Ủy ban Dân tộc đã cử cán bộ tham gia phối hợp cùng các Bộ, ngành tập huấn về kỹ năng tiếp nhận hồ sơ, thu phí, lệ phí thực hiện TTHC, trả kết quả giải quyết TTHC cho nhân viên bưu chính thuộc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

#### 7. Công tác tổ chức, nhân sự thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Ủy ban Dân tộc đã thực hiện chuyển giao nhiệm vụ và nhân sự kiểm soát thủ tục hành chính từ Vụ Pháp chế sang Văn phòng Ủy ban (*theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc*). Hiện tại nhân sự đã bàn giao công tác và thực hiện nhiệm vụ tại Văn phòng.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác kiểm soát TTHC của Ủy ban Dân tộc năm 2017 được thực hiện hoàn thành theo đúng kế hoạch.

Ủy ban Dân tộc đã xây dựng, ban hành Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2017 của Ủy ban Dân tộc để làm cơ sở triển khai cho công tác này. Thực hiện công bố công khai, cập nhật TTHC theo quy định; tiếp nhận và giải quyết TTHC đúng quy trình, đúng thời hạn, không để tồn đọng hồ sơ TTHC; kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại Vụ, đơn vị; rà soát chuẩn hóa thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; rà soát và đề xuất xử lý đối với TTHC trong văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017, Ủy ban Dân tộc gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp và báo cáo theo quy định./.

#### *Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Công TTĐT UBNDT;
- Thường trực Ban CCHC UBNDT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Nông Quốc Tuấn**



**PHỤ LỤC**

**Tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017**

*(Kèm theo Báo cáo số: 475 /BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc)*

**Biểu số 01a/BTP/KSTT/KTTH**

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.

Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG  
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)  
TẠI ỦY BAN DÂN TỘC**

Kỳ báo cáo: năm 2017

*(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)*

**Đơn vị báo cáo:**

Ủy ban Dân tộc

**Đơn vị nhận báo cáo:**

Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

*Đơn vị tính: TTHC, Văn bản*

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL										Phân loại về nội dung		
				Luật		Pháp lệnh		Nghị định		QĐTTg		Thông tư, Thông tư liên tịch		Số TTHC dự kiến/ được quy định mới	Số TTHC dự kiến/ được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC dự kiến/ được bãi bỏ, hủy bỏ
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số lượng TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	Kết quả đánh giá tác động TTHC trong Dự thảo văn bản QPPL															
	<b>Tổng số</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>					
II	Số văn bản QPPL có quy định về TTHC đã được ban hành															
	<b>Tổng số</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							<b>0</b>	<b>0</b>					

**Biểu số 02a/BTP/KSTT/KTTH**  
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-  
BTP ngày 07/02/2014.  
Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THAM GIA Ý KIẾN VỀ THỦ TỤC HÀNH  
CHÍNH (TTHC) QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ THẢO VĂN  
BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL) TẠI  
ỦY BAN DÂN TỘC**

**Đơn vị báo cáo:**  
Ủy ban Dân tộc  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Thông tư		Dự thảo TT liên tịch	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Tổng số</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số 03b/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-  
 BTP ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH  
 TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL  
 TẠI ỦY BAN DÂN TỘC**  
 Kỳ báo cáo: năm 2017  
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)

**Đơn vị báo cáo:**  
 Ủy ban Dân tộc  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

*Đơn vị tính: TTHC, văn bản*

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Thông tư		Dự thảo TT liên tịch	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<b>Tổng số</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			<b>0</b>	<b>0</b>

**Biểu số 04a/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP  
 ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI  
 TẠI ỦY BAN DÂN TỘC**

Kỳ báo cáo: năm 2017  
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)

**Đơn vị báo cáo:**  
 Ủy ban Dân tộc  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

*Đơn vị tính: TTHC, văn bản*

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai			
			Số VBQPPL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC			
				Tổng số	Chia ra				Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)	Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung						
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
<b>Tổng số</b>		<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>			

**Biểu số 06b/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số  
 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ**  
**PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**  
 Kỳ báo cáo: năm 2017  
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)

**Đơn vị báo cáo:**  
 Ủy ban Dân tộc  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

*Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị*

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			Thông tin nhận được về kết quả xử lý PAKN			Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính		Đang kiểm tra, phân loại	Đã chuyển xử lý		Đã có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	Chưa có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Tổng số</b>	<b>0</b>										

**Biểu số 07e/BTP/KSTT/KTTH**  
 Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-  
 BTP ngày 07/02/2014.  
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC  
 HÀNH CHÍNH TẠI ỦY BAN DÂN TỘC**  
 Kỳ báo cáo: năm 2017  
 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017)

**Đơn vị báo cáo:**  
 Ủy ban Dân tộc  
**Đơn vị nhận báo cáo:**  
 Cục Kiểm soát TTHC, VPCP

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực công tác dân tộc</b>										
1	Vụ Địa phương II	0	0	0	0	0	0	0			
	Vụ Địa phương III	116	0	116	116	116	0	0			
	Thanh tra	84	0	84	84	84	0	0			
	Vụ Tổ chức cán bộ (thi đua khen thưởng)	68	0	68	68	68	0	0			
2	Cơ quan/tổ chức được CQHC, người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện dịch vụ công (nếu có)										
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực B (các đơn vị ngành dọc thực hiện)</b>										
1	Cơ quan ngành dọc cấp TƯ										
2	Cơ quan ngành dọc cấp tỉnh										
3	Cơ quan ngành dọc cấp huyện										
4	Cơ quan/tổ chức được CQHC, người có thẩm quyền ủy quyền thực hiện dịch vụ công (nếu có)										
	<b>Tổng</b>	<b>268</b>		<b>268</b>	<b>268</b>	<b>268</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			